

Lời nói đầu

Nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện Chương trình OCOP và xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm theo hướng bền vững, khai thác tiềm năng thế mạnh sản phẩm hàng hóa của tỉnh, tăng sức cạnh tranh và tiêu thụ hàng hóa trên thị trường, góp phần phát triển kinh tế bền vững, nâng cao thu nhập và đời sống của Nhân dân. Ban Chỉ đạo xây dựng phát triển sản phẩm OCOP, thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và phát triển thương mại điện tử tỉnh Trà Vinh (gọi tắt là Ban Chỉ đạo) đã chủ trì, tổ chức biên soạn Sổ tay hướng dẫn, gồm 3 phần:

Phần 1- Xây dựng sản phẩm OCOP

Phần 2- Đăng ký nhãn hiệu

Phần 3- Đăng ký quảng bá sản phẩm trên các sàn giao dịch điện tử

Để giúp cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện, Ban Chỉ đạo đã thiết lập nhóm chuyên gia hỗ trợ, tư vấn miễn phí cho tại doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất (gọi chung là cơ sở); với phương châm “Nhanh, gọn, thân thiện” và đồng hành với quý cơ sở thực hiện hồ sơ, thủ tục. Hy vọng với tinh thần hợp tác và trách nhiệm cao vì sự phát triển của quý cơ sở, doanh

nghiệp; các bên sẽ phối hợp triển khai các nội dung của sổ tay này một cách hiệu quả nhất.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong biên soạn, song không tránh khỏi những sai sót và chắc rằng chưa đáp ứng được hết các thông tin theo yêu cầu của các tổ chức cá nhân. Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (Sở Khoa học và Công nghệ) rất mong nhận được ý kiến đóng góp, để xuất bản lần sau được hoàn chỉnh hơn./.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo)

Phần 1.

XÂY DỰNG SẢN PHẨM OCOP

I. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH OCOP

Chương trình OCOP là một Chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát huy nội lực (*trí tuệ, sự sáng tạo, lao động, nguyên liệu và văn hóa địa phương...*) và gia tăng giá trị; là giải pháp, nhiệm vụ trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Trọng tâm của Chương trình là khuyến khích, hỗ trợ các đối tượng sản xuất, kinh doanh quy mô nhỏ và vừa ở nông thôn khai thác tiềm năng, lợi thế so sánh, phát huy vai trò của cộng đồng, giá trị truyền thống,...

II. ĐÁNH GIÁ PHÂN HẠNG SẢN PHẨM OCOP

1. Trình tự đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP

a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) tổ chức đánh giá một số nội dung của Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP, bao gồm các tiêu chí sau: nguồn gốc sản phẩm/nguyên liệu địa phương; sử dụng lao động địa phương; nguồn gốc ý tưởng sản phẩm; bản sắc/trí tuệ địa phương. Căn cứ vào điều kiện và đặc điểm thực tế của địa phương, Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức họp với các bộ phận

liên quan để lấy ý kiến về các nội dung đánh giá, sau đó ban hành Báo cáo đánh giá của UBND cấp xã về các tiêu chí trên.

b) Công tác đánh giá tại cấp huyện

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thành lập Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (Hội đồng cấp huyện), Tổ tư vấn (hoặc Tổ giúp việc) và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng.

- Hội đồng cấp huyện tổ chức đánh giá, phân hạng các sản phẩm tham gia Chương trình OCOP.

- UBND cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 3 sao, tổ chức công bố kết quả.

- UBND cấp huyện chuyển hồ sơ các sản phẩm có số điểm đạt từ 70 điểm đến 100 điểm (từ 4 sao trở lên) lên Ủy ban nhân dân tỉnh để đề nghị đánh giá, phân hạng, công nhận sản phẩm OCOP.

c) Công tác đánh giá tại cấp tỉnh

- Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập Hội đồng, Tổ tư vấn Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh (Hội đồng cấp tỉnh) và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng.

- Hội đồng cấp tỉnh tổ chức đánh giá, xếp hạng các sản phẩm do cấp huyện đề xuất.

- UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 4 sao, tổ chức công bố kết quả.

- Trường hợp kết quả đánh giá của Hội đồng cấp tỉnh không đạt 4 sao, Hội đồng cấp tỉnh gửi trả kết quả (bằng văn bản) và hồ sơ về UBND cấp huyện:

+ Đối với những sản phẩm được Hội đồng cấp tỉnh đánh giá không đạt 70 điểm trở lên (nhưng đạt trên 50 điểm), UBND cấp huyện xem xét, lấy làm căn cứ để ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và cấp Giấy chứng nhận đạt 3 sao, hoặc tổ chức đánh giá và phân hạng theo thẩm quyền được phân cấp.

+ Đối với sản phẩm được Hội đồng cấp tỉnh đánh giá là hồ sơ không hợp lệ theo quy định, UBND cấp huyện hoàn thiện hồ sơ, đánh giá và phân hạng sản phẩm theo thẩm quyền được phân cấp.

- UBND cấp tỉnh chuyển hồ sơ các sản phẩm đạt từ 90 điểm đến 100 điểm lên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị đánh giá, phân hạng, công nhận sản phẩm OCOP cấp quốc gia.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá sản phẩm OCOP các cấp

a) Thành phần Hội đồng cấp tỉnh: Có từ 09 đến 11 thành viên, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Đại diện lãnh đạo UBND cấp tỉnh.

- Đại diện các sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công Thương; Y tế; Khoa học và Công nghệ; Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Tài nguyên và Môi trường; đại diện cơ quan tham mưu triển khai Chương trình nông thôn mới, Chương trình OCOP cấp tỉnh.

- Chuyên gia tư vấn Chương trình OCOP; đại diện các hiệp hội, hội có liên quan (nếu có).

b) Thành phần Hội đồng cấp huyện: Có từ 09 đến 11 thành viên, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Đại diện lãnh đạo UBND cấp huyện.

- Đại diện các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Y tế; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Khoa học và Công nghệ; Tài nguyên và Môi trường. Trong đó, thành phần bắt buộc là đại diện các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường và Sở quản lý sản phẩm theo quy định tại Phụ lục 1.

- Đại diện các phòng, ban chuyên môn, tổ chức có liên quan; chuyên gia tư vấn Chương trình OCOP cấp tỉnh, huyện.

3. Yêu cầu về hồ sơ đánh giá sản phẩm OCOP

a) Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP (Hồ sơ sản phẩm): Do các chủ thể OCOP (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ hộ sản xuất...) chuẩn bị, bao gồm:

- Phiếu đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (Mẫu biểu số 01).

- Báo cáo của chủ thể đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí (Mẫu biểu số 02).

b) Hồ sơ đề xuất đánh giá sản phẩm cấp huyện: Do các chủ thể OCOP chuẩn bị, bao gồm:

- Báo cáo đánh giá của UBND cấp xã về một số tiêu chí (theo quy định tại khoản a, mục 1 theo Mẫu biểu số 03).

- Hồ sơ sản phẩm (Mẫu biểu số 01, Mẫu biểu số 02).

c) Hồ sơ đề xuất đánh giá sản phẩm cấp tỉnh: Do UBND cấp huyện chuẩn bị, bao gồm:

- Công văn gửi UBND cấp tỉnh đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

- Tài liệu họp Hội đồng cấp huyện: Báo cáo thẩm định của Tổ tư vấn; Biên bản đánh giá của Hội đồng cấp huyện; Quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm.

- Hồ sơ sản phẩm (Mẫu biểu số 01, Mẫu biểu số 02).

d) Hồ sơ đề xuất đánh giá sản phẩm cấp quốc gia:
Do UBND cấp tỉnh chuẩn bị, bao gồm:

- Công văn gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

- Tài liệu họp Hội đồng cấp tỉnh, bao gồm: Báo cáo thẩm định của Tổ tư vấn; Biên bản đánh giá của Hội đồng cấp tỉnh; Quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm.

- Hồ sơ sản phẩm (Mẫu biểu số 01, Mẫu biểu số 02).

- Các văn bản xác nhận kiểm tra, kiểm nghiệm bổ sung của cấp tỉnh (nếu có).

4. Các bước đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP

a) Các bước đánh giá, phân hạng sản phẩm tại cấp huyện

- Tiếp nhận hồ sơ sản phẩm/dịch vụ

+ UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ sản phẩm/dịch vụ từ các cá nhân/tổ chức đăng ký sản phẩm tham gia Chương trình OCOP.

+ UBND cấp huyện kiểm tra thể thức, nội dung, thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

+ UBND cấp huyện Quyết định thành lập Hội đồng cấp huyện, Tổ tư vấn (hoặc Tổ giúp việc).

- Đánh giá

+ Đối tượng đánh giá: Mẫu sản phẩm (trừ sản phẩm dịch vụ du lịch) và hồ sơ sản phẩm. Đối với các sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch: Các thành viên kiểm tra thực tế và đánh giá trước tại thực địa.

+ Chuẩn bị số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gốc và 01 bộ hồ sơ điện tử (hồ sơ scan). Hồ sơ sản phẩm (bản điện tử) cần được chuyển cho các thành viên Hội đồng trước ngày họp đánh giá ít nhất 01 ngày làm việc.

+ Tiến hành đánh giá

(i) Các thành viên hội đồng đánh giá sản phẩm theo phiếu đánh giá. Chủ thể sản phẩm OCOP có thể tham gia trình bày, diễn giải trước Hội đồng.

(ii) Hội đồng thảo luận, thống nhất quan điểm đánh giá một số chỉ tiêu chưa cụ thể, định tính (nếu cần).

(iii) Hội đồng tổng hợp kết quả đánh giá, tính trung bình điểm của các thành viên (điểm của các thành viên không được chênh lệch nhau quá 10 điểm). Thống nhất thông qua kết quả đánh giá, đề xuất các sản phẩm được tham gia đánh giá cấp tỉnh, báo cáo kết quả tới UBND cấp huyện và đề xuất về phân hạng sản phẩm.

- Phân hạng và chuyển hồ sơ đề nghị cấp tỉnh đánh giá, phân hạng

+ Căn cứ kết quả điểm số đánh giá của Hội đồng, các sản phẩm được xếp hạng theo khung từ 1 đến 5 sao.

+ UBND cấp huyện thông báo kết quả cho các chủ thể OCOP, đề nghị hoàn thiện/bổ sung hồ sơ (nếu cần).

+ UBND cấp huyện ban hành Quyết định công nhận kết quả đánh giá, cấp Giấy chứng nhận sản phẩm đạt 3 sao; tổ chức công bố kết quả.

+ UBND cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm, chuyển hồ sơ và sản phẩm mẫu của các sản phẩm đạt từ 70 đến 100 điểm đề nghị cấp tỉnh đánh giá, phân hạng.

+ UBND cấp huyện thông báo kết quả cho UBND cấp xã để tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm.

b) Các bước đánh giá, phân hạng sản phẩm tại cấp tỉnh

- Tiếp nhận hồ sơ sản phẩm

+ UBND cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ đề xuất đánh giá, phân hạng sản phẩm từ cấp huyện.

+ UBND cấp tỉnh kiểm tra thể thức, thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần).

+ UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá sản phẩm OCOP cấp tỉnh, Tổ tư vấn Hội đồng cấp tỉnh và kế hoạch đánh giá.

- Tổ tư vấn Hội đồng tiến hành thẩm định, đánh giá hồ sơ

+ Các thành viên Tổ tư vấn thẩm định hồ sơ, đánh giá sản phẩm theo phiếu đánh giá, đề xuất bổ sung hồ sơ, gửi mẫu phiếu kiểm nghiệm chất lượng (nếu cần thiết).

+ Tổ tư vấn Hội đồng tiến hành kiểm tra thực tế tại cơ sở về quy trình sản xuất, vệ sinh môi trường, điều kiện an toàn thực phẩm,... (nếu cần thiết).

+ Tổ tư vấn thảo luận, thống nhất quan điểm đánh giá một số chỉ tiêu chưa cụ thể, định tính (nếu cần).

+ Tổ tư vấn tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, xây dựng Báo cáo trình Hội đồng cấp tỉnh để tổ chức Hội đồng cấp tỉnh đánh giá, phân hạng, đề xuất gửi mẫu kiểm nghiệm chất lượng độc lập (nếu cần thiết).

- Tổ chức họp Hội đồng đánh giá, phân hạng

Các bước tổ chức đánh giá của Hội đồng:

+ Chủ thể sản phẩm OCOP trình bày, diễn giải trước Hội đồng (nếu cần thiết).

+ Đại diện Tổ tư vấn Hội đồng trình bày báo cáo kết quả thẩm tra, đánh giá hồ sơ sản phẩm của Tổ tư vấn.

+ Các thành viên Hội đồng thảo luận, trao đổi những vấn đề chưa rõ; thảo luận, thống nhất quan điểm đánh giá một số chỉ tiêu chưa cụ thể, định tính (nếu cần); tham khảo kết quả khảo sát, đánh giá phản hồi của người tiêu dùng về sản phẩm (nếu có).

+ Các thành viên Hội đồng đánh giá sản phẩm theo phiếu đánh giá.

+ Hội đồng tổng hợp kết quả đánh giá, tính trung bình điểm của các thành viên (điểm của các thành viên không được chênh lệch nhau quá 10 điểm). Trong trường hợp chênh lệch lớn hơn 10 điểm, Hội đồng đánh giá sẽ thảo luận để thống nhất chấm điểm lại.

+ Hội đồng thống nhất thông qua kết quả đánh giá, đề xuất các sản phẩm có thể tham gia đánh giá cấp trung ương (từ 90 điểm trở lên), báo cáo kết quả tới UBND cấp tỉnh và đề xuất về phân hạng sản phẩm.

- Phân hạng và chuyển hồ sơ đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm cấp trung ương

+ Căn cứ kết quả điểm số đánh giá của Hội đồng, các sản phẩm được xếp hạng theo khung từ 1 đến 5 sao.

+ UBND cấp tỉnh thông báo kết quả cho các chủ thể OCOP, đề nghị hoàn thiện/bổ sung hồ sơ (nếu cần).

+ UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định công nhận

kết quả đánh giá, cấp Giấy chứng nhận sản phẩm đạt 4 sao; tổ chức công bố kết quả.

+ UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm, chuyển hồ sơ và sản phẩm mẫu của các sản phẩm có tiềm năng đạt 5 sao (từ 90 đến 100 điểm) đề nghị cấp trung ương đánh giá, công nhận sản phẩm OCOP quốc gia.

+ Trường hợp kết quả đánh giá của Hội đồng cấp tỉnh đạt dưới 70 điểm (không đạt 4 sao) hoặc hồ sơ không hợp lệ, Hội đồng cấp tỉnh gửi trả hồ sơ về UBND cấp huyện để xem xét, công nhận hoặc hoàn thiện hồ sơ đánh giá lại và phân hạng theo thẩm quyền được phân cấp theo quy định.

5. Thời hạn hiệu lực phân hạng sản phẩm OCOP

a) Các chủ thể OCOP có thể đăng ký sản phẩm để được đánh giá, phân hạng, nâng hạng sản phẩm thường xuyên, liên tục (theo kế hoạch và chu trình OCOP của địa phương).

b) Giấy chứng nhận cho các sản phẩm OCOP đạt từ 3 đến 5 sao có giá trị trong thời hạn 36 tháng, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành. Cơ quan quản lý Chương trình OCOP các cấp thông báo, hướng dẫn các chủ thể đăng ký đánh giá, phân hạng lại sản phẩm theo kế hoạch và chu trình OCOP.

6. Quy định về đánh giá, nâng hạng sản phẩm OCOP

a) Căn cứ kết quả phát triển sản phẩm, chủ thể OCOP bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại mục 3.

b) Trình tự, thủ tục đánh giá, nâng hạng thực hiện theo quy định về đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

7. Quy định về đánh giá, phân hạng lại sản phẩm sau khi hết thời hạn

a) Chậm nhất 30 ngày trước ngày hết thời hạn 36 tháng, cơ quan ban hành Quyết định công nhận kết quả và cấp Giấy chứng nhận đạt sao có văn bản thông báo cho các chủ thể OCOP về thời hạn của Giấy chứng nhận.

b) Chủ thể OCOP (nếu có nhu cầu), chuẩn bị hồ sơ đề nghị công nhận lại sản phẩm, bao gồm:

- Phiếu đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (mẫu Phiếu tại Biểu 0).

- Báo cáo của chủ thể đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí theo mẫu biểu số 2 (rà soát, cập nhật những nội dung mới, đánh giá về kết quả sau 3 năm được công nhận OCOP: về nguyên liệu, thị trường, công bố chất lượng...).

c) Cơ quan tham mưu thực hiện Chương trình các

cấp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở về việc duy trì, phát triển sản phẩm OCOP; phát triển nguyên liệu, liên kết, chất lượng và chấp hành các quy định hiện hành của Chương trình (nếu cần thiết).

d) Tổ chức thực hiện các bước đánh giá, phân hạng lại sản phẩm OCOP theo quy định

- Cấp huyện: Trên cơ sở hồ sơ đăng ký đánh giá, phân hạng lại sản phẩm OCOP và báo cáo của cơ quan tham mưu thực hiện Chương trình (nếu có), Hội đồng cấp huyện tổ chức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về phiếu đánh giá sản phẩm. Căn cứ kết quả đánh giá của Hội đồng, Hội đồng cấp huyện trình UBND huyện ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá; cấp Giấy chứng nhận đạt 3 sao và tổ chức công bố kết quả; có văn bản đề nghị Hội đồng cấp tỉnh đánh giá, phân hạng lại sản phẩm đủ điều kiện 4 sao.

- Cấp tỉnh: Căn cứ hồ sơ chủ thể, biên bản của Hội đồng cấp huyện, văn bản đề nghị của UBND cấp huyện và báo cáo của cơ quan tham mưu thực hiện Chương trình (nếu có), Hội đồng cấp tỉnh tổ chức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về phiếu đánh giá sản phẩm. Căn cứ kết quả đánh giá, Hội đồng cấp tỉnh trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá; cấp Giấy chứng nhận đạt 4 sao và tổ chức công bố kết quả; có văn bản đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn đánh giá, phân hạng lại sản phẩm đủ điều kiện 5 sao.

8. Thời gian nộp hồ sơ đăng ký đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP

Theo quy trình đánh giá các cấp (cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh), mỗi năm 02 đợt.

Đợt 1: thời hạn nộp hồ sơ trước tháng 06 hàng năm.

Đợt 2: thời hạn nộp hồ sơ trước tháng 10 hàng năm.

III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH

1. Hồ sơ đăng ký

BIỂU SỐ 01: PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐÁNH GIÁ, PHÂN HẠNG SẢN PHẨM OCOP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ

Tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm

Chương trình OCOP

của tỉnh.....năm.....

1. Thông tin về đơn vị đăng ký:

- Tên đơn vị:.....

- Họ tên người đại diện pháp lý:

- Chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ:.....

- Điện thoại:.....Email:.....

2. Tên sản phẩm:

3. Nhóm sản phẩm đăng ký (Ngành, Nhóm, Phân nhóm¹):.....

.....

4. Lần đăng ký đánh giá: Lần đầu Nâng hạng:
Đánh giá lại:

5. Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí (bản gốc, bản điện tử).

- Sản phẩm mẫu (số lượng):.....

Cam đoan những thông tin trong Phiếu đăng ký là đúng sự thật, chúng tôi xin cam kết tuân thủ các quy định của Chương trình OCOP về đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP, chịu trách nhiệm trước Hội đồng và pháp luật về Hồ sơ đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm./.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

¹ Theo Phụ lục I về Danh mục phân loại sản phẩm tham gia Chương trình OCOP

PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ

DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH OCOP CẤP HUYỆN

Phiếu số:.....-...../PĐK- (Mã tỉnh) - (Mã huyện) - (Năm)

Ngày nhận:

Người tiếp nhận:.....Chữ ký:

Cơ quan tiếp nhận

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH OCOP CẤP TỈNH

Phiếu số:.....-...../PĐK- (Mã tỉnh) - (Mã huyện) - (Năm)

Ngày nhận:

Người tiếp nhận:.....Chữ ký:

Cơ quan tiếp nhận

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

BIỂU SỐ 02:
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ SẢN PHẨM
(Dành cho chủ thể có sản phẩm đăng ký)

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chủ thể:.....
2. Loại hình tổ chức:
3. Địa chỉ:.....
4. Điện thoại:.....Email:
5. Tên người đại diện pháp luật:
 - Họ tên:
 - Giới tính:.....(Nam/nữ); Dân tộc:
 - Địa chỉ thường trú:
6. Ngày thành lập/đăng ký kinh doanh:.....
Số giấy đăng ký (nếu có):
7. Tên sản phẩm/dịch vụ, mô tả về quy cách sản phẩm, tiêu chuẩn:
-

Đánh dấu (✓) vào mục tương ứng:

- a) Giấy đăng ký kinh doanh:
- b) Đã công bố chất lượng cơ sở:
- c) Đã có các điều kiện sản xuất theo quy định:

- Giấy đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật cho sản xuất sản phẩm:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất bắt buộc theo quy định cho sản phẩm (*đối với các sản phẩm bắt buộc theo quy định*):

d) Đã có đăng ký sở hữu trí tuệ:

+ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận:

+ Giấy chứng nhận đăng ký kiểu dáng công nghiệp:

+ Khác (ghi rõ):.....

8. Lịch sử hình thành của chủ thể (nêu các giai đoạn hình thành và phát triển):

.....

9. Cơ cấu tổ chức của chủ thể:

.....

.....

PHẦN II.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH

Nội dung yêu cầu: Đánh giá kết quả triển khai phương án sản xuất, kinh doanh của chủ thể theo Phương án sản xuất, kinh doanh khi đăng ký tham gia Chương trình OCOP.

Lưu ý: trình bày rõ một số nội dung sau:

- Tổ chức vùng nguyên liệu, công nghệ sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói sản phẩm của chủ thể.

- Sự thay đổi về chất lượng sản phẩm: chất lượng, tiêu chuẩn chất lượng, bao bì, nhãn mác, hình thức đóng gói,...

- Thị trường phân phối sản phẩm.

- Kết quả sản xuất, kinh doanh: doanh thu, lợi nhuận.

PHẦN III.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN THEO BỘ TIÊU CHÍ SẢN PHẨM OCOP

- Căn cứ vào Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP tương ứng với sản phẩm đăng ký, chủ thể tự đánh giá về kết quả (điểm số) có thể đạt theo thứ tự từng tiêu chí.

- Mô tả, chứng minh về kết quả tương ứng (mô tả, tài liệu minh chứng cho nội dung mô tả).

- Tài liệu minh chứng kèm theo vào phụ lục của Báo cáo, tham khảo hướng dẫn theo bảng dưới đây:

TT	Nội dung	Yêu cầu
-	Giấy đăng ký kinh doanh	Bản sao có công chứng, chứng minh hoạt động kinh doanh hợp pháp (đối với các đơn vị/cá nhân có đăng ký kinh doanh)
-	Giấy đủ điều kiện sản xuất	Bản sao có công chứng (đối với sản phẩm cần phải có giấy chứng nhận theo quy định hiện hành)
-	Nguồn gốc nguyên liệu, liên kết chuỗi	Bản sao tài liệu: Giấy xác nhận, hợp đồng, hóa đơn... chứng minh việc mua bán nguyên vật liệu, hợp đồng, thỏa thuận liên kết
-	Công bố chất lượng sản phẩm	Bản sao tài liệu, chứng minh chất lượng sản phẩm được công bố
-	Phiếu kết quả kiểm tra chỉ tiêu an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn công bố	Bản sao tài liệu, chứng minh đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm

TT	Nội dung	Yêu cầu
-	Mã số mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc,	Bản sao tài liệu, chứng minh mã, tem, sở hữu thương hiệu...
-	Sở hữu trí tuệ	Giấy chứng nhận đăng ký về sở hữu trí tuệ: nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, kiểu dáng,...
-	Bảo vệ môi trường	Bản sao hồ sơ, thủ tục về môi trường theo quy định; hình ảnh minh chứng về thực hiện giải pháp bảo vệ môi trường.
-	Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, kiểm soát chất lượng	Bản sao tài liệu: chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, chứng minh hệ thống quản lý đạt tiêu chuẩn
-	Kế toán	Bản sao tài liệu, minh chứng hoạt động kế toán của cơ sở
-	Phát triển thị trường, hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại	Bản sao tài liệu: Hợp đồng, cam kết, xác nhận về phân phối sản phẩm, xuất khẩu sản phẩm, hoạt động xúc tiến thương mại...

TT	Nội dung	Yêu cầu
-	Câu chuyện về sản phẩm	Bản sao tờ rơi, hình ảnh, phim, ghi âm... minh chứng về câu chuyện của sản phẩm
-	Kế hoạch kiểm soát nội bộ	Bản sao kế hoạch kiểm soát nội bộ/Hồ sơ minh chứng về kế hoạch kiểm soát nội bộ
-	Giải thưởng của sản phẩm, bình chọn của các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế...	Bản sao tài liệu, minh chứng về các thành tích, giải thưởng, bình chọn...

PHẦN IV KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH

Trình bày những định hướng, kế hoạch của chủ sở hữu trong thời gian tới về phát triển sản phẩm, tổ chức sản xuất, thị trường.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ SỞ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

BIỂU SỐ 3. MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA UBND CẤP XÃ

ỦY BAN
NHÂN DÂN XÃ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Về việc đánh giá một số nội dung của Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ

1. Tên chủ thể:.....

2. Loại hình tổ chức:

3. Địa chỉ:.....

4. Điện thoại:.....Email:.....

5. Tên người đại diện pháp luật:

- Họ tên:

- Giới tính:.....(Nam/nữ); Dân tộc:

- Địa chỉ thường trú:

6. Sản phẩm đăng ký đánh giá:

II. ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA HỒ SƠ ĐĂNG KÝ

1. Về sử dụng nguyên liệu địa phương: *(Nội dung thể hiện rõ mô tả của chủ thể và đánh giá về tình hình sử dụng nguyên liệu thực tế của chủ thể trên địa bàn xã).*

2. Về sử dụng lao động địa phương: *(Nội dung thể hiện rõ mô tả của chủ thể và đánh giá về tình hình sử dụng thực tế về lao động địa phương của chủ thể trên địa bàn xã).*

3. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm: *(Nhận xét về nguồn gốc sản phẩm (truyền thống, sản phẩm mới) của chủ thể dựa trên thực tế của địa phương).*

4. Bản sắc/trí tuệ địa phương: *(Đánh giá về đặc điểm và mức độ thể hiện các giá trị về văn hóa, truyền thống (hình ảnh, câu chuyện, ...) trên sản phẩm và hồ sơ của sản phẩm).*

Ủy ban nhân dân xã.... đề nghị Ủy ban nhân dân huyện.... đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cho sản phẩm.... của

T.M UBND XÃ....

(Ký tên và đóng dấu)

2. Tổng cộng có 26 bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm OCOP, gồm:

1	Bộ sản phẩm: Rau, củ, quả, hạt tươi
2	Bộ sản phẩm: Thịt, thủy sản, trứng, sữa tươi
3	Bộ sản phẩm: Gạo, ngũ cốc, hạt sơ chế khác
4	Bộ sản phẩm: Mật ong, mật khác và nông sản thực phẩm khác

5	Bộ sản phẩm: Đồ ăn nhanh
6	Bộ sản phẩm: Chế biến từ gạo, ngũ cốc
7	Bộ sản phẩm: Chế biến từ rau, củ, quả, hạt
8	Bộ sản phẩm: Chế biến từ thịt, thủy sản, trứng, sữa, các sản phẩm từ mật ong, mật khác và nông sản thực phẩm khác
9	Bộ sản phẩm: Tương, nước mắm, gia vị dạng lỏng khác
10	Bộ sản phẩm: Gia vị khác (muối, hành, tỏi, tiêu)
11	Bộ sản phẩm: Chè tươi, chè chế biến
12	Bộ sản phẩm: Sản phẩm trà từ thực vật khác
13	Bộ sản phẩm: Cà phê, cacao
14	Bộ sản phẩm: Rượu trắng
15	Bộ sản phẩm: Đồ uống có cồn khác
16	Bộ sản phẩm: Nước khoáng thiên nhiên, nước tinh khiết
17	Bộ sản phẩm: Đồ uống không cồn khác
18	Bộ sản phẩm: Thực phẩm chức năng, thuốc được liệt, thuốc y học cổ truyền
19	Bộ sản phẩm: Mỹ phẩm có thành phần từ thảo dược
20	Bộ sản phẩm: Tinh dầu và thảo dược khác

21	Bộ sản phẩm: Thủ công mỹ nghệ
22	Bộ sản phẩm: Vải, may mặc
23	Bộ sản phẩm: Hoa
24	Bộ sản phẩm: Cây cảnh
25	Bộ sản phẩm: Động vật cảnh
26	Bộ sản phẩm: Dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch

(kèm theo chi tiết 26 bộ tiêu chí)

IV. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CÁC CƠ SỞ THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH OCOP (Điều 6 Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh):

1. Hỗ trợ 100% kinh phí thiết kế bao bì, nhãn mác sản phẩm và xây dựng câu chuyện sản phẩm, mức hỗ trợ không quá 10.000.000 đồng/sản phẩm.

Điều kiện: Cơ sở được cấp thẩm quyền quyết định công nhận sản phẩm đạt sản phẩm OCOP từ 03 sao trở lên).

2. Hỗ trợ kinh phí thuê hoặc xây dựng mới cửa hàng kinh doanh sản phẩm OCOP với diện tích tối thiểu là 20m², mức hỗ trợ 50.000.000 đồng/cửa hàng.

Điều kiện: Có cửa hàng bán sản phẩm OCOP; có bảng hiệu ghi “Cửa hàng kinh doanh sản phẩm OCOP”; có cam kết thời gian kinh doanh sản phẩm OCOP tối thiểu 01 (một) năm; có đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn đúng quy định; cửa hàng và đi vào hoạt động ổn định tối thiểu 01 tháng.

3. Hỗ trợ cơ sở có sản phẩm OCOP được nâng cao

- Sản phẩm đạt từ 03 sao (50-69 điểm) được nâng lên đạt 04 sao (70-89 điểm) hỗ trợ 5.000.000 đồng/sản phẩm.

- Sản phẩm đạt từ 03 sao (50-69 điểm) hoặc 4 sao (70-89 điểm) được nâng lên đạt 05 sao (90-100 điểm) hỗ trợ 10.000.000 đồng/sản phẩm.

- Sản phẩm đạt dưới 03 sao (<50 điểm) được nâng lên đạt 5 sao (90-100 điểm) hoặc đạt 5 sao (90-100 điểm) ngay từ lần xét duyệt đầu tiên thì được hỗ trợ 20.000.000 đồng/sản phẩm

Điều kiện: được cấp thẩm quyền quyết định công nhận sản phẩm OCOP.

4. Hỗ trợ kinh phí mua máy móc và trang thiết bị, dây chuyền sản xuất cho cơ sở ngành nghề nông thôn có sản phẩm đạt OCOP: Mức hỗ trợ là 50% kinh phí, mức hỗ trợ tối đa không quá 300.000.000 đồng/cơ sở.

Điều kiện: Cơ sở được cấp thẩm quyền quyết định

công nhận sản phẩm đạt sản phẩm OCOP từ 03 sao trở lên.

Ngoài ra, các chủ thể được hỗ trợ theo qui định Chương trình từ ngân sách trung ương hàng năm. Và được tham gia các khóa học; tập huấn về Chương trình OCOP; hỗ trợ các hoạt động xúc tiến, quảng bá sản phẩm OCOP tại các hội chợ sản phẩm OCOP do Bộ, ngành Trung ương và các tỉnh trong cả nước tổ chức.

V. ĐẦU MỐI TRỢ GIÚP HỖ TRỢ XÂY DỰNG SẢN PHẨM OCOP

1. Ông Phạm Thanh Tiếng, P. Chi cục trưởng Chi cục Phát triển Nông thôn (Sở Nông nghiệp và PTNT).
Điện thoại: 0985.848158.

2. Bà Diệp Huyền Thảo, Giám đốc Trung tâm tư vấn Pháp luật (Trường Đại học Trà Vinh). Điện thoại 0383.399686

3. Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện và phòng Kinh tế thị xã, thành phố.

- Phòng Kinh tế TP. Trà Vinh: 3 858.184 - 3858.257

- Phòng Kinh tế TX. Duyên Hải: 3 832.031

- Phòng NN và PTNT huyện Châu Thành: 3 872.207

- Phòng NN và PTNT huyện Cầu Ngang: 3 825.059

- Phòng NN và PTNT huyện Duyên Hải: 3738.222

- Phòng NN và PTNT huyện Càng Long: 3882.014
- Phòng NN và PTNT huyện Tiểu Cần: 3822.054
- Phòng NN và PTNT huyện Cầu Kè: 3834.055
- Phòng NN và PTNT huyện Trà Cú: 3874.075



CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM

OCOP
ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM

Phần 2. ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

I. NHÃN HIỆU LÀ GÌ? SỰ KHÁC NHAU GIỮA NHÃN HIỆU VÀ THƯƠNG HIỆU.

1. Nhãn hiệu.

Nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau; được thể hiện trực quan dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình ảnh, hình vẽ hoặc sự kết hợp của các yếu tố đó được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc.

2. Sự khác nhau giữa Nhãn hiệu và Thương hiệu.

Nhãn hiệu là một khái niệm có tính pháp lý trong khi thương hiệu nên được hiểu là giá trị tạo ra trong suy nghĩ, nhận thức của khách hàng, là sự kỳ vọng của khách hàng về sản phẩm/dịch vụ. Và cả hai, cùng tồn tại trên cùng một sản phẩm, một dịch vụ.

YẾU TỐ	NHÃN HIỆU	THƯƠNG HIỆU
Khái niệm	Là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ cùng loại của các chủ thể kinh doanh khác nhau.	Là hình ảnh, cảm xúc, thông điệp tức thời mà mọi người có khi họ nghĩ về một công ty hoặc một sản phẩm.

Nhìn từ góc độ pháp lý	Là một đối tượng sở hữu công nghiệp, được bảo hộ quyền (Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, do Cục SHTT cấp)	Không phải là đối tượng sở hữu công nghiệp (nhưng thành tố hữu hình của thương hiệu thì có thể là đối tượng sở hữu công nghiệp).
Nhìn từ góc độ thương mại	Chưa thể hiện giá trị bằng tiền	Đã thể hiện giá trị và được định giá bằng tiền (tính định lượng trong gia tăng giá trị hàng hóa và doanh thu).
Sử dụng	Có thể sử dụng hay không sử dụng nhãn hiệu cho hàng hóa hay dịch vụ	Bắt buộc phải được bộc lộ trước công chúng thông qua hoạt động kinh doanh với một khoảng thời gian đủ và cần thiết.

<p>Thể hiện</p>	<p>Có tính hữu hình, là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ, số, từ ngữ, hình ảnh, màu sắc...</p>	<p>Hữu hình: nhãn hiệu, biểu tượng, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hoá, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, màu sắc, bao bì, ...</p> <p>Vô hình: tình cảm, lòng trung thành của khách hàng.</p>
<p>Quá trình kiến tạo</p>	<p>Xuất phát từ ý tưởng chủ quan cá nhân (ý tưởng - mô tả - thiết kế mẫu)</p>	<p>Do doanh nghiệp xây dựng (hình ảnh, chính sách chất lượng, hoạt động marketing, chính sách khách hàng...) và được công nhận bởi khách hàng.</p>

Như vậy, để Nhãn hiệu trở thành Thương hiệu thì các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất phải quyết tâm thực hiện năm nội dung:

Thứ nhất: Đăng ký bảo hộ Nhãn hiệu và mạnh dạn đầu tư mẫu mã bao bì sản phẩm đẹp, ấn tượng, độc đáo.

Thứ hai: Đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ để luôn phải đảm bảo chất lượng tốt nhất, đồng đều trên mọi sản phẩm và duy trì ổn định.

Thứ ba: Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu các thị trường và thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm (tem Qr-code, mã số mã vạch)

Thứ tư: quảng bá sản phẩm trên các phương tiện thông tin truyền thông, sàn giao dịch điện tử, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, uy tín, thân thiện trong giao dịch với khách hàng.

Thứ năm: luôn có hành vi phù hợp với pháp luật và chuẩn mực đạo đức xã hội.

II. ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ BẢO HỘ NHÃN HIỆU

1. Điều kiện chung đối với nhãn hiệu được bảo hộ

- Là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc;

- Có khả năng phân biệt hàng hóa, dịch vụ của chủ

sở hữu nhãn hiệu với hàng hóa, dịch vụ của chủ thể khác.

3. Quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý.

- Đối với *Nhãn hiệu thông thường* (còn gọi là nhãn hiệu độc quyền): quyền nộp đơn đăng ký (tức là chủ sở hữu nhãn hiệu) là công ty, doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

- Đối với *Nhãn hiệu tập thể*: quyền nộp đơn đăng ký (tức là chủ sở hữu nhãn hiệu) phải là tổ chức kinh tế tập thể (Liên hiệp các Hợp tác xã, Hợp tác xã). Các thành viên của tổ chức kinh tế tập thể được cấp quyền sử dụng nhãn hiệu với điều kiện đáp ứng quy chế quản lý, sử dụng nhãn hiệu.

- Đối với *Nhãn hiệu chứng nhận*: quyền nộp đơn đăng ký phải là tổ chức có chức năng kiểm soát, chứng nhận chất lượng. Các công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh được cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận với điều kiện phải đáp ứng các tiêu chí theo quy chế quản lý, sử dụng nhãn hiệu.

- Đối với *Chỉ dẫn địa lý*: quyền đăng ký thuộc về Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền. Các công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh

được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý với điều kiện đáp ứng các tiêu chí theo quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý.

III. CÁCH THỨC, HỒ SƠ NỘP ĐƠN VÀ THỜI GIAN ĐĂNG KÝ

1. Cách thức nộp Đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu.

Khuyến cáo nên thông qua Đơn vị tư vấn, Công ty đại diện sở hữu trí tuệ (do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp phép hoạt động), dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản và ủy quyền nộp đơn đăng ký.

Danh sách các Đơn tư vấn, Công ty đại diện sở hữu trí tuệ do Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) công bố, có tại địa chỉ: <https://ipvietnam.gov.vn/>.

Khuyến cáo, nên tham khảo ý kiến Sở Khoa học và Công nghệ trước khi ký kết hợp đồng với Đơn vị tư vấn, đại diện sở hữu trí tuệ.

2. Về hồ sơ thủ tục:

a) Đối với *nhãn hiệu thông thường và nhãn hiệu tập thể*: Doanh nghiệp, hộ kinh doanh và các tổ chức kinh tế tập thể (gọi chung là Chủ đơn) cần chuẩn bị:

- Mẫu Nhãn hiệu hay còn gọi là logo (5 bản in màu hoặc file điện tử); trong trường hợp chưa có mẫu nhãn hiệu, đơn vị tư vấn sẽ trợ thiết kế.

- Phải có Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập (phải có chức năng sản xuất kinh doanh lĩnh vực đăng ký nhãn hiệu). Số lượng: Photo 02 bản có chứng thực.

b) Đối với *Nhãn hiệu chứng nhận và Chi dẫn địa lý*: hồ sơ thủ tục do cơ quan, tổ chức nhà nước thực hiện.

3. Các bước, thời gian và sản phẩm cụ thể theo quá trình nộp Đơn.

- **Bước 1.** Nộp đơn: do Đơn vị tư vấn thực hiện, trong vòng 24 giờ sau khi nộp Đơn (Kết quả: có biên nhận Đơn của Cục Sở hữu trí tuệ). Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ghi nhận ngày nộp Đơn là ngày ưu tiên của Chủ Đơn.

- **Bước 2. Thẩm định hình thức đơn:** do Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện, thời gian 01- 02 tháng. Kết quả: ra quyết định chấp nhận đơn hợp lệ hoặc từ chối chấp nhận đơn. *Quyết định chấp nhận Đơn hợp lệ* là kết quả thẩm định về mặt hình thức Đơn để chuyển sang giai đoạn công bố Đơn và thẩm định nội dung Đơn (bước 3, 4). Quyết định chấp nhận Đơn hợp lệ không khẳng định là được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hay không được cấp.

- **Bước 3. Công bố Đơn đăng ký:** do Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện, thời hạn 02 tháng kể từ ngày chấp nhận đơn hợp lệ.

- **Bước 4. Thẩm định nội dung Đơn đăng ký:** do Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện, thời gian từ 6 đến 9 tháng. Kết quả: Thông báo kết quả thẩm định nội dung Đơn đăng ký.

- **Bước 5. Thông báo cấp bằng, cấp bằng hoặc từ chối cấp bằng:** do Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện, thời gian 01 tháng. Kết quả: Quyết định cấp bằng kèm theo văn bằng (Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu) hoặc quyết định từ chối cấp văn bằng.

Như vậy, tổng thời gian đăng ký nhãn hiệu theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ tối thiểu (nhANH NHẤT) là 11 tháng tính từ ngày nộp Đơn. Tuy nhiên, trên thực tế thời gian này thường kéo dài từ 14 - 18 tháng kể từ khi nộp đơn.

3. Hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

- Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu độc quyền, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận có hiệu lực trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Thời gian hiệu lực là 10 năm; có thể gia hạn nhiều lần (mỗi lần gia hạn là 10 năm).

- Chỉ dẫn địa lý có giá trị vô thời hạn.

4. Các nội dung cần biết về hợp đồng với các Đơn tư vấn, Công ty đại diện sở hữu trí tuệ để đăng ký nhãn hiệu.

4.1- Trách nhiệm của Đơn vị tư vấn

- Tư vấn và thiết kế nhãn hiệu đăng ký (còn gọi là logo) nếu cơ sở chưa có logo.

- Tra cứu sơ bộ, tra cứu chuyên sâu để đánh giá khả năng bảo hộ nhãn hiệu

- Soạn thảo văn bản, xác lập các hồ sơ đăng ký nhãn hiệu theo quy định.

- Thay mặt cơ sở, doanh nghiệp (chủ Đơn) nộp Đơn tại Cục Sở hữu trí tuệ.

- Theo dõi quá trình xử lý hồ sơ của Cục Sở hữu trí tuệ.

- Nhận các văn bản từ Cục Sở hữu trí tuệ và trao lại cho Chủ Đơn.

4.2- Trách nhiệm của cơ sở, doanh nghiệp.

- Phối hợp với đơn vị tư vấn trong việc cung cấp hồ sơ, thông tin cần thiết.

- Ký hợp đồng tư vấn và ký Giấy ủy quyền nộp Đơn.

- Chi trả kinh phí tư vấn theo hợp đồng đã ký.

4.3- Giá trị hợp đồng

Tùy theo các đơn vị tư vấn, tuy nhiên phổ biến trên thực tế như sau:

a) Đối với đăng ký nhãn hiệu thông thường (nhãn hiệu độc quyền)

Giá trị hợp đồng trọn gói thường dao động từ 11 triệu đến 12 triệu đồng, trong đó bao gồm cả chi phí thiết kế, vẽ nhãn hiệu (logo). Riêng, chi phí thiết kế, vẽ nhãn hiệu khoảng từ 3 đến 4 triệu đồng (chiếm khoảng 30% giá trị hợp đồng). Phạm vi trách nhiệm của đơn vị tư vấn, đại diện trong Hợp đồng là phải có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ của Cục Sở hữu trí tuệ.

a) Đối với đăng ký nhãn hiệu tập thể.

Giá trị hợp đồng thường dao động từ 30 triệu đến 45 triệu đồng. Trong đó bao gồm cả chi phí thiết kế, vẽ nhãn hiệu (logo), chi phí tư vấn xác lập Quy chế quản lý sử dụng, chi phí xác lập hồ sơ chứng minh quyền nộp đơn và hồ sơ được phép được sử dụng địa danh, xác nhận bản đồ khu vực địa lý... (nói chung là trọn gói). Riêng, chi phí thiết kế, vẽ nhãn hiệu, logo (phải lấy ý kiến các thành viên của tổ chức tập thể và phải được tất cả các thành viên đồng ý) khoảng từ 10 đến 15 triệu đồng (chiếm khoảng 30% giá trị hợp đồng).

Phạm vi trách nhiệm của đơn vị tư vấn, đại diện trong Hợp đồng là phải có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ của Cục Sở hữu trí tuệ.

IV. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐĂNG KÝ BẢO HỘ NHÃN HIỆU.

(theo Nghị quyết 80/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

1. Định mức hỗ trợ

- Hỗ trợ tư vấn tạo lập, thiết kế, đăng ký bảo hộ trong nước: Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện/đơn đăng ký nhãn hiệu nhưng tối đa không quá 08 triệu đồng/đơn đăng ký nhãn hiệu độc quyền và tối đa không quá 30 triệu đồng/đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể.

- Hỗ trợ tư vấn tạo lập, thiết kế, đăng ký bảo hộ quốc tế : Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện/nhãn hiệu nhưng tối đa không quá 60 triệu đồng/đơn đăng ký nhãn hiệu (trong phạm vi 10 nước theo Thỏa ước Madrid).

- Mỗi tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 03 nhãn hiệu.

2. Hồ sơ thủ tục hỗ trợ.

- Giấy đề nghị hỗ trợ (*theo mẫu đính kèm*)
- Có hợp đồng với đơn vị tư vấn, biên bản nghiệm thu-thanh lý, ủy nhiệm chi (giấy biên nhận tiền hoặc sao kê chuyển khoản theo Hợp đồng). 01 bản photo
- Quyết định chấp nhận Đơn hợp lệ hoặc Giấy

chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (văn bằng). Số lượng 01 bản photo.

3. Trách nhiệm giải quyết chính sách hỗ trợ.

- Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan nhận hồ sơ và thực hiện chính sách hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu.

- Nhận hồ sơ trực tiếp tại Phòng Tiếp dân hoặc qua bưu điện (theo địa chỉ: 38 Nguyễn Thái Học Phường 1, Tp Trà Vinh).

- Thời gian giải quyết: 05 ngày sau khi nhận đủ hồ sơ (kết quả: có Quyết định hỗ trợ của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ).

- Hình thức nhận tiền hỗ trợ: chuyển khoản từ Kho bạc nhà nước vào tài khoản của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã được hỗ trợ.

V. ĐẦU MỐI TRỢ GIÚP HỖ TRỢ ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

1. Ông Trần Văn Nhân, PTP Quản lý Công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ). Điện thoại: 091.924.9914.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện và Phòng Kinh tế thị xã, thành phố.

- Phòng Kinh tế TP. Trà Vinh: 3 858.184 - 3858.257

- Phòng Kinh tế TX. Duyên Hải: 3 832.031

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Càng Long:
3 884.333

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Châu Thành:
3 872.045

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cầu Ngang:
3 825.036

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cầu Kè:
3 834.059

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Duyên Hải:
3 738.739

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tiểu Cần:
3 822.020

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Trà Cú: 3 874.029



ĐĂNG KÝ BẢO HỘ NHÃN HIỆU

Phần 3.

HƯỚNG DẪN CÁC CƠ SỞ DOANH NGHIỆP THAM GIA SÀN GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ GIAN HÀNG TRỰC TUYẾN

I. SÀN GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

(www.travinhtrade.vn)

1. Hồ sơ cần nộp

- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- + Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu được cấp bởi Cục sở hữu trí tuệ (trực tiếp phân phối) hoặc;
- + Các giấy tờ, chứng nhận chứng minh hàng hoá được sản xuất tại Việt Nam, do doanh nghiệp Việt Nam sản xuất, sản phẩm có thương hiệu Việt Nam và có nguồn gốc, xuất xứ từ Việt Nam.
- + Giấy tờ khác có liên quan đến sản phẩm đơn vị tự cung cấp (chi tiết cụ thể theo từng loại sản phẩm).

2. Nội dung thông tin cần cung cấp

- Tên đơn vị, địa chỉ, email, zalo, website, số điện thoại.....
- Bài viết giới thiệu đơn vị, giới thiệu sản phẩm,

chứng nhận đạt được, giới thiệu nơi sản xuất, nhà xưởng, thiết bị máy móc áp dụng

- Hình ảnh đơn vị, nhà xưởng, sản phẩm từng chủng loại, chứng nhận sản phẩm đạt được, logo công ty.....

- Thông tin chi tiết từng sản phẩm: Tên sản phẩm, giới thiệu sản phẩm, giá, quy cách đóng gói, chất lượng đạt được, công dụng, năng lực cung cấp, hình ảnh kèm theo

* Lưu ý: Nếu cơ sở, doanh nghiệp trong tỉnh Trà Vinh không thể thực hiện được các nội dung cung cấp thông tin, liên hệ Trung tâm khuyến công và Xúc tiến thương mại sẽ được hỗ trợ miễn phí.

II. CÁC ĐIỀU KIỆN DOANH NGHIỆP CẦN ĐÁP ỨNG KHI THAM GIA GIAN HÀNG TRỰC TUYẾN

1. Tiêu chí hàng hóa

+ Hàng hoá có xuất xứ Việt Nam, không bị pháp luật cấm buôn bán

+ Các ngành hàng được quy định trong quy chế đã ban hành của Sàn

2. Điều kiện tham gia

- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- + Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu được cấp bởi Cục sở hữu trí tuệ (trực tiếp phân phối) hoặc;
- + Hợp đồng phân phối/Giấy ủy quyền phân phối từ chủ thương hiệu cho Đại lý (đại lý phân phối).
- + Các giấy tờ, chứng nhận chứng minh hàng hoá được sản xuất tại Việt Nam, do doanh nghiệp Việt Nam sản xuất, sản phẩm có thương hiệu Việt Nam và có nguồn gốc, xuất xứ từ Việt Nam.

3. Vận chuyển hàng hoá: Doanh nghiệp đăng ký tham gia gian hàng cung cấp địa chỉ kho hàng và địa điểm cho đơn vị quản lý Sàn.

4. Hình thức thanh toán: Thanh toán theo hình thức ví điện tử trên sàn như: ViettelPay, AirPay, ZaloPay... InternetBanking của các ngân hàng, COD,...

5. Chi phí tham gia: Doanh nghiệp tham gia được miễn phí tạo gian hàng trực tuyến; được hỗ trợ các kỹ thuật liên quan và tư vấn sale

6. Điều kiện chung

- Danh sách sản phẩm
- Hình ảnh sản phẩm

- Chứng từ liên quan đến ngành hàng:

+ Thực phẩm và Thực phẩm chức năng: Giấy Xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm/ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

+ Mỹ phẩm: Phiếu công bố mỹ phẩm có xác nhận của Sở Y tế trên địa bàn kinh doanh mỹ phẩm.

+ Sách: Giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp (Nhà nhập khẩu)/Quyết định phát hành xuất bản phẩm của nhà xuất bản (NHÀ PHÁT HÀNH/ NXB/ TÁC GIẢ).

+ Các ngành hàng khác: Giấy chứng nhận, xác nhận của các cơ quan chức năng về tính hợp pháp của sản phẩm phân phối trên Gian hàng Quốc gia Việt.

+ Các giấy tờ, chứng nhận khác (nếu được yêu cầu cung cấp).

- Các yêu cầu khác, khi thực hiện hai bên thỏa thuận.

* **Lưu ý:** Đây là hướng dẫn chung, tùy theo quy định của từng Sàn thương mại điện tử, sẽ có điều chỉnh và quy định riêng.

III. ĐẦU MỐI TRỢ GIÚP HỖ TRỢ

Trung tâm Khuyến công và XTTM trực thuộc Sở Công thương. Số 4, Nguyễn Thái Học, phường 1, thành phố Trà Vinh, Điện thoại: 0294. 384 1169



MỤC LỤC

- Lời nói đầu..... 1
- Phần 1. XÂY DỰNG SẢN PHẨM OCOP..... 3
- Phần 2. ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU..... 32
- Phần 3. HƯỚNG DẪN CÁC CƠ SỞ DOANH NGHIỆP
THAM GIA SÀN GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI ĐIỆN
TỬ VÀ GIAN HÀNG TRỰC TUYẾN 45

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:

Ông Phạm Minh Truyền

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

BIÊN SOẠN

Ông Trần Văn Út Tám

Ông Trần Văn Nhân

Ông Phạm Thanh Tiếng

Ông Huỳnh Ngọc Xuân